

**CÔNG TY CỔ PHẦN BĐS GALAXY PROPERTY**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BĐS GALAXY PROPERTY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GALAXY PROPERTY BDS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110037891

**3. Ngày thành lập:** 22/06/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Lô HA2-201 Khu đô thị Vinhomes Ocean Park, , Xã Kiêu Ky, Huyện Gia Lâm,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0888827690

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4610     |
| 2.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4632     |
| 3.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu. | 4659     |
| 4.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4663     |
| 5.  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; (Ghi theo Điều 10 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014)                                                                                                                                                                                                      | 6810     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 6.  | <p>Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dịch vụ môi giới bất động sản (Ghi theo Điều 62 Luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014)</li> <li>- Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản (Ghi theo Điều 69 Luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014)</li> <li>- Dịch vụ tư vấn bất động sản (Ghi theo Điều 74 Luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014)</li> <li>- Dịch vụ quản lý bất động sản (Ghi theo Điều 75 Luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014)</li> </ul>                                                                                                                                                                                 | 6820(Chính) |
| 7.  | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khảo sát xây dựng (Ghi theo Điều 91 Nghị định 15/2021/NĐ-CP);</li> <li>- Lập thiết kế quy hoạch xây dựng (Ghi theo Điều 92 Nghị định 15/2021/NĐ-CP);</li> <li>- Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng (Ghi theo Điều 93 Nghị định 15/2021/NĐ-CP);</li> <li>- Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng (Ghi theo Điều 94 Nghị định 15/2021/NĐ-CP);</li> <li>- Tư vấn giám sát thi công xây dựng (Ghi theo Điều 96 Nghị định 15/2021/NĐ-CP);</li> <li>- Kiểm định xây dựng (Ghi theo Điều 97 Nghị định 15/2021/NĐ-CP);</li> <li>- Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng (Ghi theo Điều 98 Nghị định 15/2021/NĐ-CP);</li> <li>- Hoạt động đấu thầu (Ghi theo điều 111 Nghị định 63/2014/NĐ-CP).</li> </ul> | 7110        |
| 8.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7410        |
| 9.  | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7710        |
| 10. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ hàng hoá Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4690        |
| 11. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5210        |
| 12. | <p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gửi hàng;</li> <li>- Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển hoặc đường không;</li> <li>- Giao nhận hàng hóa;</li> <li>- Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5229        |

|     |                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết:<br>- Khách sạn;<br>- Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;<br>- Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự. | 5510 |
| 14. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                       | 5610 |
| 15. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                               | 5621 |
| 16. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                   | 5629 |
| 17. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                | 5630 |
| 18. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                         | 7730 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 5.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông  | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức         | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------|--------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN HÀ MY | Đội 1, thôn Đặng Xá, Xã Vạn Diêm, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 2.000      | 2.000.000.000         | 40,000    | 001196006973                                                                                |         |
|     |              |                                                                                | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                | Tổng số                   | 2.000      | 2.000.000.000         | 40,000    |                                                                                             |         |

|   |                 |                                                                       |                           |       |               |        |              |
|---|-----------------|-----------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------|---------------|--------|--------------|
| 2 | TRƯƠNG VĂN BÌNH | Thôn Hồng Kỳ, Xã Hoàng Phụ, Huyện Hoằng Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 2.000 | 2.000.000.000 | 40,000 | 038090019857 |
|   |                 |                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0     | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0     | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                       | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0     | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0     | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                       | Tổng số                   | 2.000 | 2.000.000.000 | 40,000 |              |
|   |                 |                                                                       |                           |       |               |        |              |
| 3 | TRƯƠNG VĂN MINH | Thôn Hồng Kỳ, Xã Hoàng Phụ, Huyện Hoằng Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 1.000 | 1.000.000.000 | 20,000 | 038093015272 |
|   |                 |                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0     | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0     | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                       | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0     | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0     | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                       | Tổng số                   | 1.000 | 1.000.000.000 | 20,000 |              |
|   |                 |                                                                       |                           |       |               |        |              |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN HÀ MY

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 20/07/1996

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001196006973

Ngày cấp: 07/03/2022

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Đội 1, thôn Đặng Xá, Xã Vạn Điểm, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Đội 1, thôn Đặng Xá, Xã Vạn Điểm, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội